TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2023/HC-PT
Ngày 26- 5- 2023
V/v "Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 800/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 87/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đ bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 308/2023/QĐPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện***: Bà Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1978. (có mặt);
HKTT: Số 18/35/29 Đỗ Nhuận, phường S, quận T, TP. H.
Địa chỉ hiện nay: W. Str.37, 63477 M – Germany.
Người đại diện ủy quyền:
1. Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1963 (có mặt, hủy bỏ ủy quyền tại phiên tòa);
Địa chỉ: 273/4 Trương Thị H, khu phố 3, phường T, quận 12, TP. H.
2. Ông Trần Quang T, sinh năm 1947 (có mặt);
Địa chỉ: Đại lộ N, thôn P Lợi, xã P, TP. N, tỉnh K.
- **Người bị kiện**: Ủy ban nhân dân huyện L.
Địa chỉ: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.
Người đại diện thoe pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Phó Chủ tịch UBND huyện L. (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Hoàng Mạnh H – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện L. (có mặt);

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Chi cục Thuế khu vực L – N.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu Cảnh, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Minh T - Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Trung P – Chức vụ: Phó Đội trưởng đội trước bạ và thu khác Chi cục thuế khu vực L – N (Giấy ủy quyền số 2408/GUQ-CCTKV ngày 16/5/2023) (có mặt);

* Người kháng cáo: người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ có ông Trần Quang T và ông Vũ Xuân Đ là đại diện theo ủy quyền trình bày tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa:

Ngày 11/12/2019, tôi nộp đầy đủ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện L yêu cầu được giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn, thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính số 58, diện tích 210,4m^2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL683647 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 22/01/2018, thay đổi sau khi cấp ngày 14/6/2018). Bộ phận tiếp nhận và trả kết qủa huyện L đã lập biên nhận hồ sơ của bà Đ ngày 11/12/2019, thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là 15 ngày và hẹn thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ ngày 03/01/2020.

Ngày 30/12/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có Tờ trình số 1904/TTr-TNMT gửi UBND huyện và ngày 15/01/2020 UBND huyện L ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND về việc cho phép bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất do Phó Chủ tịch Lê Văn T ký.

Ngày 30/01/2020, Chi cục thuế khu vực L - N có thông báo nộp tiền sử dụng đất số tiền 652.240.000đ (số: LTB2071315 - TK0001948/TB -CCT) và thông báo nộp lệ phí trước bạ 3.471.600đ (số: LTB2071315) TK0001949/TB-CCT). Tổng cộng : 655.711.600 đồng, Cơ sở thu tiền lệ phí trước bạ của Chi cục thuế dựa theo Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2020.

Như vậy, Quyết định số 183/QĐ-UBND của UBND huyện L ban hành ngày 15/01/2020 chậm trễ so với quy trình thủ tục theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ, đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ. Cụ thể, nếu thực hiện đúng quy trình hồ sơ của bà Đ nộp ngày 11/12/2019 thì đến ngày 21/12/2017 UBND huyện phải ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tại thời điểm này đang áp dụng giá đất theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh, tôi thực hiện nghĩa vụ tài chính 122.768.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày

15/01/2020 UBND huyện ban hành quyết định số 183/QĐ-UBND cho phép bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất, tại thời điểm này bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo giá đất áp dụng của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, với số tiền 655.711.600 đ, chênh lệch tăng 532.943.600 đ so với giá đất của năm 2019.

Sau nhiều lần kiến nghị, khiếu nại đến các cơ quan chức năng của huyện L xin điều chỉnh lại giá đất theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đ nhưng không được. Ngày 29/9/2020, bà Đ làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện L đề nghị chỉnh sữa khắc phục sai sót của Quyết định số 183/QĐ-UBND của UBND huyện ban hành chậm trễ so với quy trình thủ tục theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/102018 của UBND tỉnh Đ và xin được áp dụng giá đất theo Quyết định số 64/2014/QĐUBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đ.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện L đã công nhận nội dung khiếu nại của bà Đ đối với Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện là đúng. Về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo Quyết định số 3464/ QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ, qua xem xét biểu đồ luân chuyển hồ sơ của bà Đ thể hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xử lý hồ sơ trễ 7 ngày và UBND huyện trễ 10 ngày. Nếu giải quyết đúng quy trình thì UBND huyện phải ban hành quyết định cho phép bà Đ chuyên mục đích sử dụng đất ngày 21/12/2019, thời điểm này đang áp dụng giá đất cũ theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh, bà Đ thực hiện nghĩa vụ tài chính số tiền 122.768.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 15/01/2020 UBND huyện ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND cho phép bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất, tại thời điểm này buộc bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo giá đất áp dụng của Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh, với số tiền 655.711.600 đồng. Như vậy, sự chậm trễ này đã gây thiệt hại cho bà Đ số tiền 532.943.600 đồng chênh lệch giữa giá đất của năm 2019 và 2020.

Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L cũng đã có thư xin lỗi cá nhân bà Đ đề ngày 25/01/2021, thừa nhận việc giải quyết hồ sơ của bà Đ trễ hạn đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, thời gian và công sức của bà Đ. Thế nhưng tại các lần làm việc, vị cán bộ này vẫn không đưa ra hướng khắc phục xử lý sai sót theo quy định pháp luật mà cố thuyết phục bà Đ nộp số tiền theo mức thu do cơ quan thuế đã thông báo, nhằm che dấu hành vi sai trái của họ.

Ngày 28/4/2021, bà Đ gởi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đ với yêu cầu giải quyết vụ án hành chính đối với UBND huyện L về hành vị chậm trễ trong việc ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gây thiệt hại trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của công dân.

Ngày 31/5/2021, TAND tỉnh Đ ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 40/2001/TB-TA với lý do: Người khởi kiện không cung cấp được văn bản chung minh việc UBND huyện L xác định thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định đối với thực hiện chỉ đạo tại văn bản số

11242/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện L làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người khởi kiện.

Ngày 8/6/2021, ông Trần Quang T , là người đại diện ủy quyền cho bà Đ gởi đơn khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện của TAND tỉnh Đ.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện số 04/2021/QĐ-GQKN ngày 29/6/2021 do thẩm phán Hà Thị Thanh Nữ của TAND tỉnh thụ lý giải quyết đơn khiếu nại đã kết luận: Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND ngày | 31/12/2020 có nội dung xác nhận việc UBND huyện L ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ chậm trễ theo quy trình thủ tục được ban hành theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ; cụ thể, nếu thực hiện đúng theo quy trình thì hồ sơ của bà Đ nộp ngày 11/12/2019 thì đến ngày 21/12/2019 UBND huyện ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tại thời điểm này bà Đ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo giá đất năm 2019... Tuy nhiên, đến ngày 15/01/2020 UBND huyện ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tại thời điểm này bà Đ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo giá đất năm 2020... gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa tài chính của gia đình bà Đ, thuộc trách nhiệm của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện L. Sau hơn 30 ngày tính từ ngày UBND huyện L ban hành định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, bà Đ không nhận được kết quả giải quyết của Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường, đến ngày 28/4/2021 bà Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết hành vị hành chính đối với UBND huyện L là có căn cứ. Lý ra trong sự việc này chỉ cần thông báo cho bà Đ khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà nêu rõ khởi kiện hành vi hành chính hay kiên quyết định hành chính hay kiện cả hai vừa hành vi, vừa quyết định hành chính. Tòa án chưa thông báo bổ sung đơn khởi kiện mà ra thông báo trả lại đơn khởi kiện của bà Đ và căn cứ điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính xác định yêu cầu khởi kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Đ là chưa phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 124 của Luật Tổ tụng hành chính, TAND tỉnh Đ chấp nhận đơn khiếu nại của ông Trần Quang T và nhận lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo của bà Trần Thị Kim Đ, hướng dẫn bà Đ thực hiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính để tiến hành việc thụ lý vụ án.

Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện L ban hành chậm trễ so với thời gian của quy trình thủ tục theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đ. Mặt khác, Quyết định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L ban hành ngày 31/12/2020 công nhận nội dung khiếu nại của bà Đ đối với Quyết định số 183/QĐ-UBND là đúng, xác định trách nhiệm lỗi chủ yếu trong việc chậm trễ ban hành văn bản là của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nhưng không giải quyết khắc phục hành vi sai sót của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, mà giao trách nhiệm cho Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện L thuyết phục bà Đ nộp tiền theo thông báo của Chi cục thuế là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu TAND tỉnh Đ buộc UBND huyện L:

1. **Chỉnh sửa khắc phục một phần sai sót trong nội dung Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020** của UBND huyện L về việc giải quyết cho bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất với giá đất áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đ, đúng với thời gian giao tra hồ sơ cho bà Đ vào ngày 21/12/2019 - theo quy trình thủ tục được ban hành theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ và Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/52014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2014, để làm căn cứ cho Chi cục thuế khu vực L - N thông báo lại nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp UBND huyện L không khắc phục sai sót, thì phải bồi thường cho bà Đ số tiền chênh lệch tăng thêm 532.943.600đ (năm trăm ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng), để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định.

2. Bồi thường thiệt hại do lỗi cố ý của cán bộ thi hành công vụ huyện L gây ra trong hoạt động quản lý hành chính khiến gia đình bà Đ bị thiệt hại và khó khăn suốt hai năm 2020, 2021. Vì ngay từ khi lá đơn kiến nghị đầu tiên của bà Đ đề ngày 31/01/2020, đã chỉ ra rõ những sai sót nghiêm trọng của các cán bộ Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện trong việc xử lý chậm trễ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của bà Đ và kiến nghị hướng xử lý khắc phục hậu quả nhưng các cán bộ ở đây họ vẫn cố tình thờ ơ và bóp méo sự thật. Đơn cử tại văn bản trả lời của UBND huyện L và Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện ngày 28/8/2020 đã phủ nhận những điều bà Đ đã nêu ra trong đơn kiến nghị, cho là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Sau nhiều ngày theo đuổi mệt mỏi của bà Đ, đến ngày 25/01/2021 Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện đã có Thư xin lỗi bà Đ số 312/TNMT-VP với nội dung thừa nhận việc giải quyết thủ tục hành chính chậm trễ đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, thời gian và công sức của bà Đ.

Trong 2 năm qua, các cán bộ thi hành công vụ của Phòng Tài nguyên - Môi trường và cấp lãnh đạo của UBND huyện L đã cố tình lạm dụng quyền chèn ép, yêu sách bà Đ, không tuân thủ quy trình thủ tục được ban hành theo Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Đ đã gây thiệt hại nghiêm trọng về tinh thần lẫn vật chất cho bà Đ.

Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20/6/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 đạt được sự thống nhất chân lý nhằm răn đe các cán bộ thi hành công vụ thiếu trách nhiệm làm việc trong hoạt động quản lý thủ tục hành chính, vi phạm hành vi hành chính gây thi hại nghiêm trọng cho người dân, là cán bộ đó, cơ quan đó không tự giác bồi thường thì Nhà nước sẽ dùng biện pháp áp dụng cưỡng chế, phong tỏa tài khoản hoặc kỷ luật buộc thôi việc cán bộ cơ quan đó.

Trong trường hợp và hoàn cảnh của bà Đ, cụ thể của sự việc đã phơi bày rõ ràng. Các cán bộ của UBND huyện L đã cố tình lạm dụng quyền để chèn ép, hành hạ người dân lâu ngày như sự việc của bà Đ.

Vì vậy, bà Đ yêu cầu TAND tỉnh Đ buộc UBND huyện L bồi thường thiệt hại cho bà Đ theo Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước hiện hành, rút ngắn thời gian giải quyết dứt điểm cho bà Đ từ 125 ngày xuống còn 71 ngày tại phiên tòa sơ thẩm này để cho gia đình bà Đ sớm ổn định lại tinh T lân cuộc sống không bị xáo trộn để bà Đ không phải chờ đợi, tốn kém thêm nữa.

Các khoản bồi thường thiệt hại được liệt kê sau đây:

a) Chi phí thuê luật sư tư vấn và soạn thảo đơn khiếu nại, khởi kiện đến TAND tỉnh Đ 4.000.000đ;

b) Chi phí đi lại khiếu nại từ TP Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) đến huyện L (tỉnh Đ) và ngược lại, trong 2 năm 2020 - 2021(13 lần): Chi phí một lần đi lại (2 ngày): Vé xe khách giường nằm đi và về (900.000đ), thuê xe taxi đi lại (200.000đ), tiền khách sạn (420.000đ), tiền ăn (300.000đ) và thu nhập bị mất (1.000.000đ): 2.820.000đ x 13 lần: 36.660.000đ;

+ Lần 1 (ngày 03/01/2020): Đến hẹn, bà Đ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện L nhận lại hồ sơ nhưng chưa xử lý xong.

+ Lần 2 (ngày 30/01/2020): Chi cục thuế mời đến nhận Thông báo nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ. Bà Đ viết đơn kiến nghị gởi các cơ quan chức năng của huyện đề nghị chỉnh sửa khắc phục sai sót trong Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện về việc giải quyết cho bà Đ được chuyên mục đích sử dụng đất với giá đất áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh, đúng với thời gian giao trả hồ sơ ngày 21/12/2019;

+ Lần 3 (ngày 28/2/2020): Bà Đ đến Ban tiếp công dân huyện hỏi thăm kết quả giải quyết đơn kiến nghị và đăng ký gặp Chủ tịch UBND huyện để đối thoại,

+ Lần 4 (ngày 30/3/2020): Bà Đ đến làm việc với Phòng TN - MT huyện trình bày về nội dung đã nêu trong đơn kiến nghị (cán bộ Vân tiếp làm việc);

+ Lần 5 (ngày 23/4/2020): Bà Đ đến Phòng TN - MT huyện gặp cán bộ Vân hỏi thăm về kết quả giải quyết đơn kiến nghị của bà Đ ;

+ Lần 6 (ngày 11/5/2020): Phòng TN - MT huyện mời bà Đ đến làm việc để làm rõ về nội dung trong đơn kiến nghị;

+ Lần 7 (ngày 25/6/2020) Bà Đ tiếp tục đến Phòng TN - MT huyện để hỏi kết

+ Lần 8 (ngày 28/8/2020): Phòng TN – MT mời bà Đ đến nhận thông tin xử lý an kiến nghị. Ngày 4/9/2020, bà Đ gởi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện.

+ Lần 9 (ngày 25/9/2020) UBND huyện L mời bà Đ đến hủy đơn KN ngày 4/9/2020 do ghi thiếu địa chỉ của huyện. Sau đó, đến ngày 29/9/2020, bà Đ viết tiếp đơn khiếu nại gởi Chủ tịch UBND huyện bằng đường bưu điện;

+ Lần 10 (ngày 30/10/2020): Bà Đ đến Phòng TN - MT huyện để tìm hiểu kết quả giải quyết đơn khiếu nại đã gởi đến Chủ tịch UBND huyện;

+ Lần 11 (ngày 17/11/2020): Thanh tra huyện mời bà Đ đến làm việc về nội dụng đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện ;

+ Lần 12 (ngày 18/01/2021): Thanh tra huyện mời đến nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện;

+ Lần 13 (ngày 25/01/2021): VP, UBND, Thanh tra và Phòng TN - MT huyện mời bà Đ đến nhận Thư xin lỗi của Trưởng Phòng TN - MT và thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 11242/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện (cha bà Đ là ông Trần Quang T đi họp thay) nhưng không thành.

c) Lệ phí công chứng của lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại CHLB Đ (Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Hợp đồng ủy quyền luật sư,..); Dự trù:9.000.000đ

d) Lệ phí bưu phẩm gửi từ CHLB Đ về Việt Nam (Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung gửi TAND tỉnh Đ ; Hợp đồng ủy quyền gửi Văn phòngLuật sư,...). Dự trù: 6.000.000 đồng.

đ) Tiền photo, công chứng , cước phí bưu điện trong nước: 1.500.000đ;

e) Hợp đồng VPLS cử luật sư làm đại diện ủy quyền cho người khởi kiện tham gia bảo vệ quyền lợi hợp pháp tại TAND các cấp: 60.000.000đ;

g) Vé máy bay (khứ hồi) từ CHLB Đ về Việt Nam (Nhận bản án của TAND tỉnh Đ hoặc TANDCC, làm đơn yêu cầu THA và thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... Dự trù: 5.300 Ero (x 26.800 đồng/Ero): 142.000.000đ.

Tại phiên tòa, tổng số tiền bà Đ yêu cầu bồi thường là: 211.425.566 đồng (Hai trăm mười một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng). Số tiền yêu cầu bồi thường chênh lệch so với yêu cầu tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại vì cộng thêm chi phí đi lại kéo dài đến ngày mở phiên tòa. Bà Đ xác định không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiệnỦy ban nhân dân huyện L là ông Trần Văn T trình bày tại bản trình bày ý kiến:

Đối với nội dung bà Trần Thị Kim Đ khiếu nại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân huyện L ban hành chậm trễ gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của gia đình bà đã được Uỷ ban nhân dân huyện giải quyết tại Quyết định số 11242/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nội dung này, qua kiểm tra rà soát hồ sơ liên quan nhận thấy việc Uỷ ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 là đảm bảo trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Điều 6, 7 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 và Điều 11 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan nên việc các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành Quyết định nêu trên có trễ thời gian so với thời gian áp dụng tại Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đ về việc công bố Bộ thủ tục tục hành chính ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ,

trong đó thời gian áp dụng cho việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân là 15 ngày (ngày làm việc). Ngày 25 tháng 01 năm 2021, phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Thư xin lỗi số 312/TNMT-VP gởi đến bà Trần Thị Kim Đ theo quy định.

Đối với nội dung bà Trần Thị Kim Đ khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi cố ý của cán bộ thi hành công vụ của phòng Tài nguyên - Môi trường trực thuộc Uỷ ban nhân dân huyện L gây ra trong hoạt động quản lý hành chính. Nội dung này, qua kiểm tra rà soát hồ sơ liên quan nhận thấy nội dung bà Trần Thị Kim Đ khởi kiện nêu trên là không có cơ sở do không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017.

Bên cạnh đó, việc xác định tiền sử dụng đất phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất của bà Trần Thị Kim Đ tại vị trí đất nói trên là căn cứ giá đất theo Quyết định 49/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 tương ứng là 3.300.000 đồng/m2. Trong khi giá đất tại vị trí đất nói trên theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2014 chỉ tương ứng 700.000 đồng/m". Giá trị đất tăng, nên tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước tăng theo giá trị đất là yếu tố khách quan.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi cục thuế khu vực L – N trình bày:

Vào ngày 20/01/2020, Chi cục Thuế khu vực L- N có tiếp nhận Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 866/PCDT của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - CN L do ông Huỳnh Thế Lữ ký. Thông tin của người sử dụng đất là bà Trần Thị Kim Đ; Loại hồ sơ: Chuyển mục đích sử dụng đất tại thửa 116, tờ bản đồ 58, địa chỉ tại xã Long P, huyện L, tỉnh Đ.Theo thông tin địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - CN L cung cấp vị trí đất, giá đất theo Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành Quy định về bảng giá đất 5 năm giai đoạn 2020-2024 và Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện L cho phép bà Trần Thị Kim Đ chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Long P, huyện L.

Căn cứ khoản 3 Điều 108 Luật đất đai năm 2013 quy định thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

"3. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất."

Tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất như sau:

"b) Chuyển từ đất nông nghiệp được nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất bằng mức chênh lệch giữa tiền sử dụng đất tính theo giá đất ở với tiền sử dụng đất tính theo giá đất nông nghiệp tại thời điểm có quyết định chuyển mục đích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Căn cứ các quy định trên, Chi cục Thuế khu vực L - N xác định nghĩa vụ tài chính (bao gồm tiền sử dụng đất) đối với hồ sơ của bà Trần Thị Kim Đ tại thời điểm có Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND huyện L (ngày 15/01/2020).

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ quyết định:

Căn cứ các Điều 3,115,116, 193, 194, 206, 348 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng Điều Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 106 108, 109 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 61, 69 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật đất đai số 45/2013/QH13;

Áp dụng Điều 64, 76 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Đ đối với khiếu kiện hành vi hành chính liên quan đến yêu cầu chỉnh sửa Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc cho bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất với giá đất áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đ. Buộc UBND huyện L thực hiện nhiệm vụ công vụ đối với quyền lợi của bà Trần Thị Kim Đ liên quan đến hành vi hành chính trong việc điều chỉnh giá tính thuế chuyển mục đích sử dụng đất, thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính số 58, diện tích 210,4m^2 tại xã Long P, huyện L, tỉnh Đ.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện L liên quan đến Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc áp dụng quy định nhà nước cho bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính số 58, diện tích 210,4m^2 tại xã Long P, huyện L, tỉnh Đ là không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Đ về việc yêu cầu UBND huyện L bồi thường thiệt hại nhà nước với số tiền 211.425.566 (hai trăm mười một triệu bốn trăm hai lăm nghìn năm trăm sáu mươi sáu) đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 13/10/2022, người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quang T người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ về yêu cầu UBND huyện L bồi thường thiệt hại nhà nước với số tiền 1.100.132.825đ (một tỷ một trăm triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng, với các lý do: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, bà Đ tốn kém chi phí , thời gian và công sức; Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của bà Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hoàng Mạnh H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của người bị kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi cục Thuế khu vực L - N đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác kháng cáo của người bị kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, Người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của bà Trần Thị Kim Đ; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên chỉnh sửa khắc phục một phần sai sót trong nội dung Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L và buộc Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường thiệt hại. Xét các yêu cầu khởi kiện nêu trên là hành vi hành chính trong lĩnh

vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Đ đối với khiếu kiện hành vi hành chính liên quan đến yêu cầu chỉnh sửa Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc cho bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất với giá đất áp dụng theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đ. Buộc UBND huyện L thực hiện nhiệm vụ công vụ đối với quyền lợi của bà Trần Thị Kim Đ liên quan đến hành vi hành chính trong việc điều chỉnh giá tính thuế chuyển mục đích sử dụng đất, thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính số 58, diện tích 210,4m^2 tại xã Long P, huyện L, tỉnh Đ. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện L liên quan đến Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 về việc áp dụng quy định nhà nước cho bà Đ được chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ địa chính số 58, diện tích 210,4m^2 tại xã Long P, huyện L, tỉnh Đ là không đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên quyết định của bản án sơ thẩm đối với nội dung khởi kiện nêu trên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét tính hợp pháp đối với hành vi hành chính bị khởi kiện nêu trên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại

Tại Điều 7 Luật Tố tụng hành chính 2015 quy định về giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính như sau:

"1. Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri gây ra.

Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu bồi thường thiệt hại có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ. Trường hợp cần thiết, Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

Khi giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính, các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về tố tụng dân sự được áp dụng để giải quyết.

2. Trường hợp trong vụ án hành chính có yêu cầu bồi thường thiệt hại mà chưa có điều kiện để chứng minh thì Tòa án có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt

hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự".

Hồ sơ vụ án thể hiện, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, vào ngày 08/6/2022 người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ là các hóa đơn, chứng từ để chứng minh cho thiệt hại xảy ra do hành vi ban hành Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L không đúng quy định của pháp luật gây ra (BL135a). Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, người khởi kiện là bà Trần Thị Kim Đ không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường theo luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước" là không chính xác, không phù hợp với các tình tiết khách quan có trong hồ sơ vụ án.

Trong trường hợp, nhận thấy các tài liệu, chứng cứ này chưa đủ điều kiện để chứng minh thiệt hại thì Tòa án cấp sơ thẩm phải tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm lại quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Đ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, đồng thời, làm mất quyền khởi kiện vụ án án dân sự về yêu cầu bồi thường của bà Đ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện; Hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm về bồi thường thiệt hại để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ;

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2022/HC-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đ đối với phần khởi kiện của bà Trần Thị Kim Đ về việc yêu cầu UBND huyện L bồi thường thiệt hại nhà nước với số tiền 211.425.566 (hai trăm mười một triệu, bốn trăm hai lăm ngàn, năm trăm sáu mươi sáu) đồng;

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm lại vụ án đối với phần khởi kiện yêu cầu về bồi thường thiệt hại của bà Trần Thị Kim Đ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Trần Thị Kim Đ không phải chịu. Hoàn lại cho bà Trần Thị Kim Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo theo Biên lai thu số 0000482 ngày 24/10/2022 (do ông Vũ Xuân Đ nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh